

Bản án số: **05/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 24 - 6 - 2022

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Đông và bà Vũ Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Cao Nguyên – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N - Sinh năm 1997 (*Có mặt*).

HKTT: Thôn PV, xã VH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Xóm 3 NC, xã KC, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Vũ Đức H - Sinh năm 1991 (*Vắng mặt*).

HKTT và trú tại: Thôn PV, xã VH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng:

+ Bà Hà Thị L – Sinh năm 1965 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn PV, xã VH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Nguyễn Thị D – Sinh năm 1969 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Xóm 3 NC, xã KC, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày yêu cầu như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Vũ Đức H được tự do tìm hiểu trong khoảng 01 tháng thì cưới và đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 14/12/2020 tại UBND xã VH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, chị về chung sống với anh H tại gia đình anh H ở thôn PV, xã VH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn nên sau khi chung sống nảy sinh nhiều bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp dẫn đến xảy ra cãi vã. Một nguyên nhân nữa là do anh H không có việc làm ổn định, thường xuyên chơi bời, tụ tập bạn bè, uống rượu đến đêm mới về, không quan tâm gì đến vợ dẫn đến mâu thuẫn. Vợ chồng cũng đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Do mâu thuẫn nên khoảng tháng 4/2021, chị đã bỏ về gia đình nhà bố mẹ đẻ ở Ninh Bình sinh sống và ly thân với anh H. Sau khi vợ chồng ly thân, anh H cũng không tìm chị để vợ chồng đoàn tụ. Khoảng tháng 06/2021, chị đã làm đơn xin ly hôn anh H một lần nhưng sau đó chị rút đơn để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn nhưng không thực hiện được, hai bên không có bất kỳ biện pháp nào để đoàn tụ nên chị tiếp tục làm đơn xin ly hôn. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Vũ Đức H.

+ *Về con chung:* Chị N xác định chị và anh Vũ Đức H không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung, nợ chung, công sức:* Chị N xác định chị và anh H không có tài sản chung và không có nợ chung, công sức nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về ý kiến của bị đơn anh Vũ Đức H:* Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù nhiều lần Tòa án triệu tập nhưng anh H đều vắng mặt và không trình bày quan điểm.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Phạm Thị N có mặt tại phiên tòa giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung. Bị đơn anh Vũ Đức H tiếp tục vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N, xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Vũ Đức H.

Về con chung: Chị N và anh H chưa có con chung.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị N là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị N khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Vũ Đức H, hiện anh H đang cư trú tại thôn PV, xã VH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Bị đơn là anh Vũ Đức H trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt. Tại phiên tòa, anh Vũ Đức H vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do vì vậy Tòa án nhân dân huyện Bình Giang tiến hành xét xử vắng mặt anh Vũ Đức H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Vũ Đức H được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 14/12/2020 tại UBND xã VH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo như Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2020 do chị N cung cấp. Khi đăng ký kết hôn, chị N và anh H đều tự nguyện, đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, việc đăng ký kết hôn lại tuân thủ theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn của vợ chồng: Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định chị và anh H có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian ngắn nên khi chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều bất đồng về quan điểm sống; anh H không có việc làm ổn định, thường xuyên chơi bời, tụ tập bạn bè, uống rượu đến đêm mới về, không quan tâm gì đến chị nên vợ chồng không hòa thuận và xảy ra cãi nhau. Khoảng tháng 04/2021, do hai bên mâu thuẫn nên chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và ly thân với anh H từ thời gian đó cho đến nay. Sau khi ly thân hai bên cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo trưởng thôn PV, xã VH cung cấp: Chị N và anh H kết hôn với nhau vào tháng 12/2020 tuy nhiên vợ chồng chỉ chung sống với nhau được 05 tháng đến khoảng tháng 04/2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên tính tình không hợp. Anh H cũng có biểu hiện hay tụ tập bạn bè, uống rượu về khuya. Do mâu thuẫn nên hai vợ chồng đã ly thân, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Ninh Bình sinh sống từ thời gian đó đến nay.

Theo người thân trong gia đình anh H, chị N cung cấp: Vợ chồng anh H chị N được gia đình hai bên tạo điều kiện cho tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, không quan tâm, thương yêu lẫn nhau. Gia đình hai bên cũng đã phân tích, động viên hai vợ chồng nhưng tình cảm không được cải thiện. Chị N, anh H chung sống với nhau được đến tháng 04/2021 thì ly thân, chị N đã bỏ về sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ ở Ninh Bình cho đến nay. Sau khi hai bên ly thân cũng không có bất kỳ biện pháp nào để đoàn tụ.

Từ những căn cứ nêu trên xác định vợ chồng chị N và anh H có nhiều mâu thuẫn như chị N đã trình bày là đúng, vợ chồng mâu thuẫn, xảy ra cãi vã và đã sống ly thân từ tháng 04/2021 đến nay. Tháng 06/2021, chị N đã 01 lần làm đơn xin ly hôn anh H nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn nhưng không thực hiện được, vợ chồng đến nay không còn quan tâm gì đến nhau do vậy xác định mâu thuẫn của vợ chồng chị N, anh H đã căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N ly hôn anh H là phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh H không có con chung nên về con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị N không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Vũ Đức H.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0003807 ngày 17/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã VH, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hải